

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Công trình: Khu xử lý rác thải xã Xuân Lương**

**Tại xã Xuân Lương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang**

*(Kèm theo Tờ trình số: 175 /TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Yên Thế)*

Số TT	Họ tên tổ chức sử dụng đất	Hộ nhận khoán	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ về hoa màu, tài sản trên đất						Tổng cộng các khoản BT, HT (đồng)	
												Loại cây	Đơn vị tính	Số lượng	Số lượng tính bồi thường (theo mật độ)	Đơn giá (đồng/DVT)	Tỷ lệ bồi thường (%)		Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc	Hoàng Xuân Thân	182	4	304,902.1	3,884.0	299,824.1	RSX	13,594,000	0	0	Cây keo đường kính 10-13 cm	đ/cây	35	35	118,000	100	4,130,000	28,154,000
		Hoàng Thị Lợi				804.0			2,814,000			Cây bạch có chiều cao < 1,0 m	đ/cây	745	745	14,000	100	10,430,000	
		Đường vận xuất				390.0			0			Cây keo đường kính từ trên 13-<20 cm	đ/cây	60		154,000	100	9,240,000	12,054,000
		Trần Minh Thuận				-			0			Mộ chưa cải táng (Bao gồm Đơn giá mộ chưa cải táng, chi phí đào bốc, chi phí di chuyển mộ, chi phí bố trí đất đai, đầu tư hạ tầng đặt mộ, chi phí hợp lý khác)	đ/mộ	1	1	19,620,000	100	19,620,000	19,620,000
		Đỗ Văn Thuyên				-			0			Mộ chưa cải táng (Bao gồm Đơn giá mộ chưa cải táng, chi phí đào bốc, chi phí di chuyển mộ, chi phí bố trí đất đai, đầu tư hạ tầng đặt mộ, chi phí hợp lý khác)	đ/mộ	1	1	19,620,000	100	19,620,000	19,620,000
<b>Tổng giá trị BT, HT</b>						<b>5,078.0</b>			<b>16,408,000.0</b>								<b>63,040,000</b>	<b>79,448,000</b>	